

TÒ TRÌNH
V/v thông qua nhiệm vụ
Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bờ Ngoong đến năm 2035

Kính gửi: Kỳ họp thường lệ HĐND huyện, nhiệm kỳ 2016-2021

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Kế luận số 49-KL/HU ngày 10/11/2020, Kế luận hội nghị Ban thường vụ Huyện ủy Chư Sê, về chủ trương xây dựng xã Bờ Ngoong thành đô thị loại V; Kế luận số 76-KL/HU ngày 24/12/2020, Kế luận hội nghị Ban thường vụ Huyện ủy Chư Sê, phiên họp ngày 24/12/2020 (nội dung: về chương trình hành động xây dựng và phát triển đô thị của huyện Chư Sê giai đoạn 2021-2025).

Ủy ban nhân dân huyện đã tổ chức triển khai lập hồ sơ nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bờ Ngoong đến năm 2035. Nội dung chính gồm:

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

- Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính của xã Bờ Ngoong, huyện Chư Sê, có diện tích tự nhiên là 3.811,45 ha.

- Ranh giới cụ thể:

- + Phía Bắc: giáp xã Bar Mălh
- + Phía Tây: giáp xã Ia Tiêm và xã Chư Pong
- + Phía Nam: giáp xã A Dun, Al Bá và xã A Yun
- + Phía Đông: giáp huyện Mang Yang

2. Nội dung yêu cầu lập quy hoạch đô thị:

2.1. Khảo sát, phân tích đánh giá các điều kiện tự nhiên & hiện trạng kinh tế - xã hội.

2.2. Luận chứng các cơ sở hình thành và phát triển đô thị

a. Phân tích, đánh giá và xác định các mối quan hệ vùng:

- Quan hệ giữa thị trấn Bờ Ngoong với thành phố Pleiku và các khu vực phát triển kinh tế trọng điểm của tỉnh Gia Lai.

- Quan hệ giữa thị trấn Bờ Ngoong với các đơn vị hành chính khác trong huyện.

b. Luận chứng xác định mục tiêu phát triển:

- Cơ sở về điều kiện tự nhiên và cảnh quan thiên nhiên của thị trấn Bờ Ngoong.

- Đặc trưng văn hóa địa phương .

- Lợi thế về vị trí địa lý của thị trấn Bờ Ngoong với các khu vực lân cận.

c. Luận chứng xác định tính chất, động lực phát triển và dự báo các chỉ tiêu về quy mô dân số, lao động, đất đai, hạ tầng xã hội và kỹ thuật:

- Xác định tính chất và động lực phát triển đô thị.
- Dự báo quy mô dân số, phân bố dân cư theo các đơn vị hành chính, dân số tạm trú, xác định cơ cấu dân số, lao động.

- Tính toán nhu cầu và cơ cấu sử dụng đất.

- Lựa chọn các chỉ tiêu KT-KT cơ bản trên cơ sở quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam; khuyến khích đề xuất việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn nước ngoài phù hợp với điều kiện, tính chất của thị trấn Bờ Ngoong.

2.3. Định hướng phát triển không gian đô thị

a. Xác định mô hình phát triển đô thị:

- Lựa chọn mô hình phát triển đô thị mới lấy cụm công trình trung tâm hành chính; khu vực có điều kiện tự nhiên thuận lợi phát triển cụm dịch vụ - du lịch phía Tây Bắc; khu vực có điều kiện thuận lợi phát triển cụm sản xuất, nghiên cứu và ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao phía Đông Bắc là hạt nhân, kết hợp giữa hiện trạng và khu vực phát triển mới thành một cấu trúc tổng thể thống nhất trên cơ sở hệ thống giao thông kết nối với vùng xung quanh. Trong đó động lực phát triển chính là:

+ Đô thị hành chính: hình thành cụm trung tâm hành chính thị trấn.

+ Đô thị dịch vụ du lịch: hình thành cụm dịch vụ - du lịch.

+ Đô thị sản xuất: hình thành khu nông nghiệp CNC.

- Các phương án quy hoạch (tối thiểu 2 phương án) phải phù hợp với vị trí, điều kiện địa hình tự nhiên và tiềm năng phát triển.

b. Nghiên cứu định hướng tổ chức không gian đô thị:

- Xác định phạm vi, quy mô các khu chức năng chính như; khu trung tâm hành chính, công trình xã hội, nhà ở đô thị hiện hữu, khu đô thị mới, khu dịch vụ - du lịch, khu sản xuất NN công nghệ cao, khu bảo tồn tôn tạo, khu cấm xây dựng; các khu dự trữ phát triển.

- Định hướng về khung phát triển giao thông đô thị đối ngoại và đối nội.

- Xác định chỉ tiêu về quy mô, sử dụng đất đô thị, nguyên tắc phát triển đối với các khu chức năng dân dụng & ngoài dân dụng.

- Định hướng các vùng kiến trúc cảnh quan, hệ thống cây xanh, mặt nước, các không gian trọng tâm đô thị mang tính biểu tượng, các khu vực cửa ngõ, các trục không gian chính.

2.4. Định hướng quy hoạch sử dụng đất đô thị

- Đề xuất quy hoạch sử dụng đất toàn đô thị và từng khu vực trong khu vực đến năm 2025 và 2035.

- Xác định các phân khu chức năng, các thông số sử dụng đất như chiều cao, hệ số sử dụng đất, dân số, mật độ xây dựng của từng loại đất:

+ Đất các khu dân cư, gồm: đất xây dựng nhà ở, công trình phục vụ công cộng, đất cây xanh TDTT và đất giao thông, hạ tầng.

+ Đất các khu chức năng ngoài khu dân cư - gồm: đất xây dựng khu công nghiệp, nông nghiệp, kho tàng; đất giao thông; đất xây dựng các cơ quan ngoài đô thị; đất các trung tâm chuyên ngành; đất an ninh quốc phòng; đất di tích văn hóa lịch sử, tôn giáo; đầu mối hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường.

+ Các loại đất khác: Vùng cấm xây dựng, vùng bảo tồn thiên nhiên, đất dự trữ phát triển.

2.5. Định hướng phát triển hạ tầng xã hội

- Đề xuất định hướng phát triển nhà ở cho các loại hình cư trú trên địa bàn thị trấn phù hợp với đặc điểm, thành phần dân cư. Hình thành các khu đô thị đáp ứng cho nhu cầu đa dạng của nhiều loại đối tượng và đảm bảo chỉ tiêu chung theo quy chuẩn, tiêu chuẩn.

- Quy hoạch hệ thống trường học, hệ thống y tế, hệ thống cơ sở thể thao, văn hóa, giải trí dịch vụ công cộng cấp đô thị. Nghiên cứu các đặc trưng văn hóa để có định hướng tôn tạo bảo tồn và phát triển du lịch dịch vụ.

- Quy hoạch hệ thống cây xanh - mặt nước tự nhiên (sông Ia Yun, suối Ia Pet), cây canh – mặt nước nhân tạo & bán tự nhiên.

2.6. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

a. Chuẩn bị kỹ thuật đô thị:

- Đánh giá, xác định được các loại đất theo điều kiện tự nhiên thuận lợi, ít thuận lợi, không thuận lợi, cấm xây dựng hoặc hạn chế xây dựng;

- Xác định cốt xây dựng không chế của từng khu vực, toàn đô thị và các trục giao thông chính đô thị; chỉ rõ khu vực tôn nền hoặc hạ nền, dự báo khối lượng san nền; dự kiến nguồn đất đắp và khu vực đổ đất dư thừa;

- Xác định được các lưu vực thoát nước mưa chính, hệ thống cống thoát nước mưa chính, các hồ dự kiến xây dựng và các công trình đầu mối;

b. Giao thông đô thị:

- Đánh giá thực trạng xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng giao thông (giao thông đối ngoại và giao thông đối nội); giao thông vận tải khách công cộng.

- Dự báo nhu cầu vận tải và xác định các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, quỹ đất dành cho giao thông.

- Xác định quy hoạch hệ thống giao thông đối ngoại của đô thị (giao thông đường bộ, đường hàng không) bao gồm: cụ thể tuyến; vị trí, quy mô các công trình đầu mối: nút giao thông, bến bãi đỗ xe đối ngoại.

- Xác định quy hoạch hệ thống giao thông đô thị bao gồm: phân loại và tổ chức mạng lưới đường đô thị, các đầu mối giao thông; xác định chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng đường phố chính cấp đô thị, xác định vị trí quy mô, số lượng các công trình giao thông, mặt cắt ngang các loại đường.

c. Cấp nước:

- Đánh giá hiện trạng hệ thống cấp nước: nguồn khai thác, công suất, hiệu suất khai thác, chất lượng nước sạch, áp lực nước, tỷ lệ đấu nối, tỷ lệ thất thoát thất thu và đánh giá tình trạng hoạt động các công trình, mạng lưới đường ống cấp nước; Đánh giá cụ thể trữ lượng, chất lượng các nguồn nước mặt, nước ngầm và khả năng khai thác cho cấp nước.

- Xác định các chỉ tiêu cấp nước cho các mục đích sử dụng, nhu cầu cấp nước.

- Lựa chọn cụ thể nguồn cấp nước, xác định nhu cầu; phân vùng cấp nước và xác định nhu cầu sử dụng đất cho các công trình cấp nước, biện pháp bảo vệ nguồn nước; Xác định mạng lưới đường ống cấp nước (mạng cấp I, mạng cấp II). vị trí, quy mô công suất các công trình cấp nước.

d. Cáp điện và chiếu sáng đô thị:

- Đánh giá hiện trạng cung cấp điện - tiêu thụ điện năng; hiện trạng về nguồn điện, mạng lưới điện (các tuyến truyền tải và phân phối), vị trí, quy mô các trạm biến áp.

- Xác định các chỉ tiêu cấp điện và nhu cầu điện năng (kể cả điện cho chiếu sáng đô thị).

- Xác định mạng lưới truyền tải và phân phối phù hợp với các dự án phát triển điện lực trong vùng tỉnh Gia Lai (110 KV, 35 KV, 22 KV); vị trí, quy mô các trạm biến áp.

- Đánh giá hiện trạng về hệ thống chiếu sáng bao gồm: nguồn cung cấp điện, lưới điện, nguồn sáng, tình hình tiêu thụ điện năng; tình hình tổ chức và hình thức chiếu sáng tại các công trình giao thông, không gian công cộng, chiếu sáng mặt ngoài công trình, chiếu sáng quảng cáo, khu vực lễ hội.

- Xác định các chỉ tiêu chiếu sáng cho các đối tượng được chiếu sáng; dự báo nhu cầu điện năng cho chiếu sáng.

- Đề xuất các giải pháp chiếu sáng cho các công trình giao thông, không gian công cộng, chiếu sáng mặt ngoài công trình, chiếu sáng quảng cáo, khu vực lễ hội... và các giải pháp về nguồn điện, lưới điện, nguồn sáng, thiết bị chiếu sáng.

e. Thoát nước bẩn, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Thoát nước bẩn:

+ Đánh giá hiện trạng thoát nước mạng lưới thoát nước, trạm xử lý, khả năng tiêu thoát của hệ thống...); tình hình ô nhiễm và diễn biến môi trường nước.

+ Xác định các chỉ tiêu, thông số cơ bản của hệ thống thoát nước thải sinh hoạt, công nghiệp...; tổng lượng nước thải; các nguồn tiếp nhận, khả năng tiếp nhận nước thải.

+ Lựa chọn hệ thống thu gom và xử lý nước thải; Xác định hướng, vị trí, kích thước mạng thoát nước cấp I, cấp II; các điểm xả, cao độ mức nước, lưu lượng xả tối đa, yêu cầu về chất lượng nước thải tại các điểm xả; Xác định vị trí, quy mô các nhà máy xử lý nước thải.

- Xử lý chất thải rắn:

+ Đánh giá hiện trạng các nguồn phát thải, thành phần, tính chất và xác định tổng khối lượng các chất thải rắn thông thường và nguy hại; Đánh giá khả năng phân loại tại nguồn và khả năng tái chế, tái sử dụng chất thải rắn.

+ Xác định các chỉ tiêu, dự báo nguồn và dự báo tổng lượng chất thải.

+ Xác định vị trí, quy mô các điểm thu gom, trạm trung chuyển, khu liên hợp, cơ sở xử lý chất thải rắn; Đề xuất công nghệ xử lý thích hợp.

- Nghĩa trang:

+ Đánh giá thực trạng về nghĩa trang bao gồm: sự phân bố, quy mô, tình hình hoạt động và sử dụng (nghĩa trang mới, nghĩa trang đang hoạt động, dự kiến đóng cửa, di chuyển, cải tạo...), tác động, ảnh hưởng đến môi trường.

+ Dự báo nhu cầu táng cho toàn đô thị, các yêu cầu về quỹ đất sử dụng; lựa chọn hình thức táng.

+ Xác định vị trí, quy mô các nghĩa trang (nghĩa trang cấp 1, 2, 3).

2.7. Thiết kế đô thị

- Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng kiến trúc cảnh quan đô thị.
- Đề xuất phân vùng, tuyến, điểm nhấn về kiến trúc cảnh quan đô thị.
- Minh họa ý tưởng thiết kế đô thị một số khu vực trọng điểm của đô thị.
- Đề xuất quy chế kiểm soát và phát triển kiến trúc cảnh quan đô thị.

2.8. Đánh giá môi trường chiến lược

- Xác định các vấn đề môi trường chính, bức xúc trong và ngoài đô thị.
- Đánh giá hiện trạng các nguồn gây ô nhiễm có ảnh hưởng trực tiếp; các khu vực ô nhiễm; mức độ, hậu quả ô nhiễm môi trường. Đánh giá hệ sinh thái, môi trường làng nghề, môi trường các vùng ven đô.
- Dự báo tác động và diễn biến môi trường do hoạt động từ các khu dân cư, cơ sở sản xuất công nghiệp, trung tâm thương mại dịch vụ, bệnh viện, giao thông, xử lý chất thải.
- Tổng hợp, đề xuất, xếp thứ tự ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề môi trường còn tồn tại trong đồ án quy hoạch; đề xuất các khu vực cách ly bảo vệ môi trường.

2.9. Quy hoạch ngắn hạn đến 2025

- Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật đến năm 2025.
- Đề xuất các chương trình ưu tiên đầu tư phát triển và nguồn lực thực hiện:
 - + Xác định danh mục các dự án ưu tiên đầu tư theo đồ án quy hoạch.
 - + Dự báo nhu cầu vốn đầu tư và các giải pháp huy động vốn.
- Các giải pháp thực hiện quy hoạch.

2.10. Dự thảo quy chế quản lý quy hoạch - kiến trúc đô thị theo quy hoạch chung

- Dự thảo quy chế quản lý quy hoạch và kiến trúc đô thị Bờ Ngoong.
- Đề xuất mô hình quản lý và các giải pháp thực hiện quy hoạch chung thị trấn Bờ Ngoong đến năm 2035.

3. Dự toán chi phí lập quy hoạch

TT	Các khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
I	Chi phí lập quy hoạch			
1	Chi phí lập quy hoạch chung	c1	Bảng 2, Thông tư 20/2019	1.151.701.320
2	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	c2	Bảng 2, Thông tư 20/2019	17.457.600
3	Chi phí lập QH trước thuế	C _{TT}	c1 + c2	1.169.158.920
4	Thuế VAT	VAT	C _{TT} x 10%	116.915.892
5	Tổng chi phí lập QH sau thuế sau thuế	C _{qh}	C_{TT} + VAT	1.286.074.000
II	Chi phí khác	C _K	k₁ + .. + k₁₂	257.441.264
1	Chi phí thẩm định nhiệm vụ QH	k ₁	c2 x 20% (TT 20/2019)	3.491.520
2	Chi phí thẩm định đồ án QH	k ₂	c1 x 7,45% (Bảng 11, TT 20/2019)	85.801.748
3	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án QH	k ₃	c1 x 6,8% (Bảng 11, TT 20/2019)	78.315.690

TT	Các khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
4	Chi phí tổ chức lấy ý kiến cộng đồng	k ₄	c ₁ x 2% (theo TT 20/2019)	23.034.026
5	Chi phí công bố quy hoạch	k ₅	c ₁ x 3% (theo TT 20/2019)	34.551.040
6	Chi phí lập hồ sơ mời thầu	k ₆	c ₁ x 45% x 0,798% (TT 16/2019)	4.135.759
7	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	k ₇	c ₁ x 55% x 0,798% (TT 16/2019)	5.054.817
8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	k ₈	(theo ND 63/2014)	1.000.000
9	Chi phí thẩm định kết quả chọn thầu	k ₉	(theo ND 63/2014)	1.000.000
10	Chi phí đăng tải thông tin về đấu thầu	k ₁₀	TT 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC	330.000
11	Chi phí thẩm tra dự toán	k ₁₁	tối thiểu 2.000.000đ (theo TT 16/2019)	2.000.000
12	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	k ₁₂	c ₁ x 0,57% (TT 10/2020)	6.564.698
13	Chi phí kiểm toán	k ₁₃	c ₁ x 0,96% x 1,1 (TT 10/2020)	12.161.966
TỔNG DỰ TOÁN_làm tròn			C_{qh} + C_k	1.543.515.000
(Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm bốn mươi ba triệu, năm trăm mươi lăm nghìn đồng)				

Ghi chú: Giá trên chưa bao gồm các chi phí:

- + Đo đạc bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000
- + Làm phim giới thiệu đồ án.
- + Làm mô hình tỷ lệ 1/10.000

(Kèm theo hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch)

UBND huyện đề nghị Hội đồng nhân dân huyện xem xét, thông qua nội dung nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bờ Ngoong đến năm 2035./.

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- Thường trực Huyện ủy (B/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo VP HĐND-UBND huyện;
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện;
- Lưu: VT, CVKT.



Lê Đình Huân

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua nhiệm vụ quy hoạch chung
xây dựng thị trấn Bờ Ngoong đến năm 2035**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHU SÊ
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Xét đề nghị của UBND huyện tại Tờ trình số 67/TTr-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc đề nghị thông qua nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bờ Ngoong đến năm 2035; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện thống nhất thông qua nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bờ Ngoong đến năm 2035, gồm các nội dung sau:

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

- Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính của xã Bờ Ngoong, huyện Chư Sê, có diện tích tự nhiên là 3.811,45 ha.

- Ranh giới cụ thể:

+ Phía Bắc: giáp xã Bar Mălh

+ Phía Tây: giáp xã Ia Tiêm và xã Chư Pơng

+ Phía Nam: giáp xã A Dun, Al Bá và xã A Yun

+ Phía Đông: giáp huyện Mang Yang

2. Nội dung yêu cầu lập quy hoạch:

- Khảo sát, phân tích đánh giá các điều kiện tự nhiên & hiện trạng kinh tế - xã hội.

- Luận chứng các cơ sở hình thành và phát triển đô thị.

- Định hướng phát triển không gian đô thị.

- Định hướng quy hoạch sử dụng đất đô thị.

- Định hướng phát triển hạ tầng xã hội.

- Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị.
 - Thiết kế đô thị.
 - Đánh giá môi trường chiến lược.
 - Quy hoạch ngắn hạn đến 2025.
 - Dự thảo quy chế quản lý quy hoạch - kiến trúc đô thị theo quy hoạch chung.
3. Dự toán, chi phí lập quy hoạch (dự kiến): **1.543.515.000 đồng (một tỷ, năm trăm bốn mươi ba triệu, năm trăm mười lăm nghìn đồng)**
4. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách tỉnh phân cấp năm 2021 (*phân bổ 500.000.000 đồng để thực hiện trong năm 2021*).
5. Địa điểm thực hiện: xã Bờ Ngoong, huyện Chư Sê.
6. Thời gian, tiến độ thực hiện: Năm 2021-2022.
7. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: phòng Kinh tế và Hạ tầng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Phòng Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan trên cơ sở nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bờ Ngoong đến năm 2035, triển khai thực hiện các nội dung tiếp theo, hoàn thiện hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bờ Ngoong đến năm 2035 theo quy định.

2. Uỷ ban nhân dân huyện, các phòng, ban có liên quan và UBND xã Bờ Ngoong căn cứ chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành:

1. Phòng Kinh tế và Hạ tầng và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND và các vị đại biểu HĐND huyện khóa IX căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Chư Sê khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021, kỳ họp thứ Mười Sáu thông qua ngày 17 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các Phó CT. UBND huyện;
- BTT. UBMTTQ huyện;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng HĐND; VP. UBND tỉnh;
- Các Phòng, Ban thuộc huyện;
- HĐND&UBND các xã, thị trấn;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Công thông tin Điện tử huyện;
- Lưu: VT, HĐ.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Hà